TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06 / 7 / 2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhân;

2. Ông Huỳnh Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Lưu Tiến Dũng –Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về "*tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn B, sinh năm 1990, nơi cư trú: số B, ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1994, địa chỉ: tổ H, khóm V, phường N, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Ông Phan Văn B và bà Phạm Thị Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa (ông B có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn B trình bày: Ông B, bà L tự quen biết và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế và bà L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột nên vợ chồng

không còn chung sống cho đến nay. Tình cảm không còn, ông B yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người thân của bà L nhận thay và cam kết thông báo lại cho bà L biết nhưng bà L vẫn không đến Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà L chung sống với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Hiền trình bày nguyên nhân ông B xin ly hôn với bà L là do vợ chồng xảy ra cự cãi về tiền bạc nên bà L đã bỏ đi từ năm 2013 và vợ chồng không còn sống chung cho đến nay.Tình cảm không còn, ông B xin ly hôn với bà L. Bà L biết được ông B xin ly hôn nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải theo Thông báo của Tòa án. Điều đó thấy rằng bà L không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của ông B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông B khai không có nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Ông Phan Văn B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Mỹ L. Đồng thời, bà L cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn nhưng ông B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bà L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[1] Đối với quan hệ hôn nhân, ông B và bà L chung sống với nhau từ năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Long An vào ngày 16/01/2013, giấy chứng nhận kết hôn số 03/2013 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo ông B trình bày nguyên nhân ông B yêu cầu ly hôn với bà L là mâu thuẫn về kinh tế và bà L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2013 đến nay. Bà L biết được ông B xin ly hôn nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải theo Thông báo của Tòa án.

Bên cạnh đó, Tòa án ghi nhận ý kiến của ông Phạm Văn Tài là cha ruột và cùng nơi cư trú với bà L thể hiện vợ chồng B, L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã không còn sống chung từ năm 2013 đến nay, tình cảm không còn nên L đồng ý theo yêu cầu ly hôn của B.

Vợ chồng cùng có nghĩa vụ và trách nhiệm yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa ông B bà L xảy ra từ năm 2013 và từ đó vợ chồng sống xa cách, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, bà L biết được ông B xin ly hôn nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải theo Thông báo của Tòa án. Xét thấy, hôn nhân của bà L, ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B đối với bà L.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung, ông B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông B đã nộp. Bà L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 22 7, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn B.

Ông Phan Văn B được ly hôn với bà Phạm Thị Mỹ L.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Văn B phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0015200 ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; ông B đã nộp đủ án phí.

Bà Phạm Thị Mỹ L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông Phan Văn B, bà Phạm Thị Mỹ L là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiền